

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

THE FACTORS IMPACTED ON INTENTION TO START BUSINESS OF STUDENT FROM LAC HONG UNIVERSITY

Nguyễn Ngọc Thị Kim Loan

Khoa Tài chính Kế toán; Trường Đại học Lạc Hồng, Đồng Nai, Việt Nam

TÓM TẮT. Mục tiêu của nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố then chốt tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng và đánh giá mức độ tác động của các yếu tố. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra đề xuất các khuyến nghị đối với Trường Đại học Lạc Hồng nhằm hỗ trợ cho sinh viên Đại học Lạc Hồng tham gia hưởng ứng vào hoạt động khởi nghiệp của Trường Đại học Lạc Hồng và khởi nghiệp của cả nước. Cũng như, Trường Đại học Lạc Hồng đạt tốt nhiệm vụ theo tinh thần của Quyết định 1665/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” và Quyết định 1230/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 30/03/2018 về kế hoạch triển khai Đề án trên. Số liệu được thu thập từ cuộc khảo sát 352 sinh viên và xử lý qua phần mềm SPSS 20.0, kiểm định thang đo Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) kết hợp với hồi quy tuyến tính bội. Kết quả nghiên cứu cho thấy 4 nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng: (1) Kiểm soát hành vi, (2) Thái độ khởi nghiệp, (3) Kỳ vọng bản thân, (4) Giáo dục khởi nghiệp. Trong đó, nhân tố Kiểm soát hành vi có tác động mạnh nhất.

TỪ KHOÁ: *Khởi nghiệp; Ý định khởi nghiệp; sinh viên; Đại học Lạc Hồng*

ABSTRACT. The objective of this study is to identify key factors affecting the start-up intention of Lac Hong University students and assess the impact of the factors. Based on the current situation and key factors, the author will propose recommendations for Lac Hong University to support students of the school to participate in the start-up activities of the school and start up the whole country. Likewise, Lac Hong University fulfilled its tasks in the spirit of Decision 1665/QĐ-TTg of the Prime Minister on "Supporting students to start their businesses until 2025" and Decision 1230/QĐ-BGDĐT of the Ministry of Education and Training on March 30, 2018 on the plan to implement the scheme. The data used in the study were collected from real surveys of 352 students and data were processed by SPSS 20.0 statistical software, Testing the Cronbach’s Alpha scale, Exploratory factor analysis (EFA) combined with multiple linear regression. Results of the study had 4 factors that affected the intention to start a business of student from Lac Hong university, include: (1) Behavior control; (2) entrepreneurship attitude; (3) Expect yourself; (4) Start-up education. In which, the Behavior control factor had the strongest impact on the intention to start the business of student from Lac Hong university.

KEYWORDS: *Start up; Entrepreneurship; Intention to start a business; Students; Lac Hong University*

1. GIỚI THIỆU

Hưởng ứng tinh thần khởi nghiệp trong cả nước theo Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng (tháng 01-2016) và Quyết định 1665/QĐ-TTg nhằm “thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của học sinh, sinh viên và trang bị kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên trong thời gian học tập tại các trường. Tạo môi trường thuận lợi để học sinh sinh viên hình thành và thực hiện các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, góp phần tạo việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp”. Đề án nêu rõ mục tiêu đến năm 2020, “100% các học viện, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp có kế hoạch triển khai công tác hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp; 100% các trường đại học, 50% các trường cao đẳng, trường trung cấp có ít nhất 2 ý tưởng, dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên được hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí phù hợp hoặc kết nối với các doanh nghiệp, các quỹ đầu tư mạo hiểm”.

Theo đó, Trường Đại học Lạc Hồng đã phát động khởi nghiệp trong sinh viên từ cuối năm 2015 đầu năm 2016 và ngày càng mạnh mẽ. Trường Đại học Lạc Hồng đã tổ chức nhiều phong trào, chương trình nhằm đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp cho sinh viên và cả cho thanh niên trong tỉnh Đồng Nai như: Các buổi tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp; Lớp đào tạo kỹ năng khởi nghiệp miễn phí cho sinh viên; Các lớp tập huấn khởi nghiệp cho đoàn viên, thanh niên,

học sinh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Giao lưu cùng sinh viên Đại học Lạc Hồng “Khởi nghiệp 5W + 1H”; Cuộc Thi “Khởi nghiệp cùng sinh viên Lạc Hồng; ... Sinh viên Đại học Lạc Hồng cũng đã xuất sắc mang về thành tích đáng nể trong “Cuộc thi khởi nghiệp quốc gia 2017” và đây hứa hẹn cho các năm tới tại cuộc thi này.

Bên cạnh những thành công, thực tế thì đó chỉ là của số ít của sinh viên Đại học Lạc Hồng, sinh viên của trường nhìn chung vẫn chưa quan tâm nhiều đến phong trào này. Xuất phát từ thực tế tại Trường Đại học Lạc Hồng, tác giả chọn đề tài “Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng”

Nghiên cứu này được thực hiện với dữ liệu thứ cấp và sơ cấp qua cuộc khảo sát sinh viên học tại Trường Đại học Lạc Hồng với 7 nhân tố tác động tới Ý định khởi nghiệp. Từ các thực trạng và kết quả khảo sát, tác giả đã đưa ra các kết luận và khuyến nghị đối với Trường Đại học Lạc Hồng nhằm hỗ trợ cho sinh viên của trường tham gia hưởng ứng vào hoạt động khởi nghiệp của trường và khởi nghiệp của cả nước đã và đang phát động. Cũng như, Đại học Lạc Hồng đạt tốt nhiệm vụ theo tinh thần của Quyết định

Received: June, 11th, 2020

Accepted: July, 20th, 2020

*Corresponding author: loannguycn@gmail.com

1665/QĐ-TTg của thủ tướng chính phủ về “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” và Quyết định 1230/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 30/03/2018 về kế hoạch triển khai Đề án trên.

2. NỘI DUNG

2.1 Cơ sở lý luận và mô hình nghiên cứu

2.1.1 Cơ sở lý luận

2.1.1.1 Khởi nghiệp

Trên tinh thần Quyết định 1665/QĐ-TTg của thủ tướng chính phủ về “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”, Quyết định 1230/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 30/03/2018 về kế hoạch triển khai Đề án trên và Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành năm 2017. Trong nghiên cứu này, Khởi nghiệp được hiểu là việc một cá nhân (cụ thể là sinh viên trường Đại học Lạc Hồng) đứng ra thành lập doanh nghiệp mới dựa trên áp dụng hoặc sáng tạo khoa học công nghệ để mang lại sự đổi mới sáng tạo và các doanh nghiệp này thì được gọi là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Khởi nghiệp sáng tạo là thành lập doanh nghiệp mới để khai thác một ý tưởng sáng tạo. Các ý tưởng sáng tạo có thể là tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh ở sản phẩm, quy trình sản xuất - kinh doanh, tổ chức hay tiếp thị. (Hay còn gọi Startup, tức là doanh nghiệp đang trong quá trình hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ, có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới).

2.1.1.2 Ý định khởi nghiệp

Theo TPB (Lý thuyết hành vi có kế hoạch) của Ajzen (1991,2011), “Ý định thể hiện mức độ sẵn sàng của cá nhân và là tiền đề trực tiếp để thực hiện hành vi”. Theo Bird (1988) “Ý định khởi nghiệp là một thái độ làm việc đề cao tính độc lập, tự chủ, sáng tạo, luôn đổi mới và chấp nhận rủi ro để tạo ra giá trị mới trong doanh nghiệp hiện tại”; Hay theo Thompson, (2009) “Ý định khởi nghiệp là sự khẳng định của cá nhân về dự định làm chủ doanh nghiệp mới và xây dựng kế hoạch hành động tại một thời điểm nhất định trong tương lai”; Hay theo Fayolle (2013) “Ý định khởi nghiệp là động lực thiết lập kế hoạch hành động để tạo mới một doanh nghiệp”

2.1.1.3 Một số nghiên cứu thực nghiệm liên quan

Lý thuyết về hành vi có kế hoạch (TPB) của Azjen (1987, 1991): Ý định khởi nghiệp chịu tác động của ba yếu tố: Thái độ khởi nghiệp, Chuẩn chủ quan và Kiểm soát hành vi. Trong đó, Thái độ khởi nghiệp là sự cảm nhận của một người khi thực hiện hành vi khởi nghiệp, Chuẩn chủ quan là áp lực từ những người thân, người xung quanh, gia đình, bạn bè, ... cảm nhận khi cá nhân thực hiện hành vi khởi nghiệp. Còn yếu tố Kiểm soát hành vi đề cập đến cảm nhận của cá nhân có đủ khả năng và nguồn lực để thực hiện hành vi đó.

Theo Shapero (1982) Khởi nghiệp là một quá trình, trong quá trình đó người có ý định khởi nghiệp phải biết nắm bắt cơ hội khi nó đến để phát triển những ý tưởng của mình. Thực tế, để nắm bắt được cơ hội đó thì cá nhân đó phải thật sự có mong muốn và nhận thấy tính khả thi của việc ý định khởi nghiệp (Shapero, 1982)

Theo Lüthje & Franke (2003) nghiên cứu thì việc khuyến khích ý định khởi nghiệp của sinh viên là yếu tố quan trọng tăng cao năng lực phát triển kinh tế đất nước và

qua đó khẳng định Ý định khởi nghiệp của sinh viên bị tác động bởi hai tiền tố: Yếu tố tính cách cá nhân và môi trường giáo dục, điều kiện thị trường và nguồn vốn. Hai tác giả đặc biệt nhấn mạnh tới môi trường bên ngoài với lập luận đối với sinh viên các yếu tố như điều kiện thị trường và nguồn vốn hay cảm nhận về môi trường giáo dục Đại học sẽ tác động tới ý định khởi nghiệp. Đặc biệt, môi trường giáo dục đại học có tác động trực tiếp tới ý định khởi nghiệp của sinh viên

Theo Zahariah Mohd Zain, et al (2010), các yếu tố: tham gia các khóa học kinh doanh, ảnh hưởng từ truyền thống kinh doanh của các thành viên trong gia đình, đặc điểm cá nhân đều ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên kinh tế ở Malaysia.

Theo Fatoki (2010) về những động lực và trở ngại đối với ý định khởi nghiệp của sinh viên ở Nam Phi cho thấy, 5 động cơ dẫn đến ý định khởi nghiệp của sinh viên là: việc làm, quyền tự chủ, sáng tạo, kinh tế và nguồn vốn; những trở ngại cho mục đích kinh doanh của sinh viên tốt nghiệp là: nguồn vốn, kỹ năng, sự hỗ trợ.

Theo Abdullah Azhar (2010) thì sự thu hút chuyên nghiệp có tác động mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp của sinh viên kinh tế tại Pakistan. Ngoài ra còn các yếu tố khác tác động mạnh như: nhân khẩu học (giới tính, tuổi tác, kinh nghiệm, nền tảng giáo dục và công việc của gia đình); yếu tố hành vi (sự thu hút chuyên nghiệp, năng lực kinh doanh, đánh giá xã hội, kinh nghiệm, kiến thức kinh doanh, giáo dục kinh doanh).

Còn Wenjun Wang (2011) thì chỉ ra rằng các yếu tố tác động trực tiếp và gián tiếp và gián tiếp đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên ở Trung Quốc và Mỹ như: Sự ham muốn kinh doanh, Sự sẵn sàng kinh doanh, Kinh nghiệm làm việc, Nền tảng kinh doanh, Đạo đức kinh doanh.

Theo Perera (2011), Ý định khởi nghiệp chịu tác động bởi các yếu tố xã hội, yếu tố tâm lý, yếu tố kinh tế và các yếu tố chính trị, pháp lý. Ngoài ra, nghiên cứu còn cho thấy sinh viên ít chú ý đến việc khởi nghiệp trong khi quan tâm nhiều tới những việc làm khác do không muốn phải chịu nhiều rủi ro và các vấn đề về tài chính.

Còn Zhang et al., (2015) các yếu tố ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên: Thái độ, Nhận thức điều khiển hành vi, Quy chuẩn chủ quan.

Còn với Kristandy et al., (2015) thì cho rằng các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp gồm: Sở thích cá nhân, Cơ hội kinh doanh, Môi trường kinh doanh và Sự tự tin.

Ambad và Damit (2016), có 5 yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên, đó là: Giáo dục kinh doanh; Cơ chế chính sách; Đặc điểm tính cách; Chuẩn chủ quan; Nhận thức kiểm soát hành vi. Trong đó, Đặc điểm tính cách có ảnh hưởng mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp của sinh viên

Preeti Tiwari et al., (2017), Ý định khởi nghiệp chịu tác động quan trọng bởi: trí tuệ cảm xúc, tính sáng tạo và nghĩa vụ đạo đức. Bên cạnh đó, quy Chuẩn chủ quan, Kiểm soát hành vi và Thái độ cũng có tác động tích cực đối với các ý định khởi nghiệp

Còn theo Omid Yaghmaei et al., (2015) thì các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp bao gồm: Kinh nghiệm, Giáo dục, Thái độ, Chuẩn chủ quan, Kiểm soát hành vi, Tuổi tác; Hoặc Hỗ trợ từ giáo dục, Hỗ trợ từ gia đình, bạn bè, Hỗ trợ từ môi trường như tín dụng, Can thiệp chính sách chính phủ,...(Richard Denanyoh et al., 2015); Hoặc Giáo dục kinh doanh, Ý kiến người xung quanh, Hỗ trợ từ môi

trường như vay vốn, Chính sách chính phủ,..., động cơ thúc đẩy kinh doanh, tính sáng tạo (Muhammad et al., 2016)

Ở Việt Nam, hiện nay cũng có nhiều nghiên cứu liên quan đến khởi nghiệp. Một số nghiên cứu tiêu biểu như: Nguyễn Thị Yên (2011), cho rằng: Sự sẵn sàng kinh doanh, tính cách cá nhân và sự đam mê, nguồn vốn là các yếu tố ảnh hưởng đến khởi nghiệp; Hoàng thị Phương Thảo (2013), nghiên cứu ra đặc điểm cá nhân là yếu tố tác động mạnh nhất. Bên cạnh đó, nguồn vốn, hỗ trợ từ gia đình, động cơ đẩy, động cơ kéo cũng là các yếu tố có tác động đến ý định khởi nghiệp; Nguyễn Quốc Nghi, Lê Thị Diệu Hiền, Mai Võ Ngọc Thanh (2016) cho thấy có 4 nhân tố tác động đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh. Trong đó, yếu tố thái độ và sự đam mê có tác động mạnh nhất; Đoàn Thị Thu Trang, Lê Hiếu Học (2018), Kết quả nghiên cứu cho thấy Tính khả thi cảm nhận và thái độ với việc khởi nghiệp, chịu tác động gián tiếp bởi năng lực bản thân cảm nhận và tính khả thi cảm nhận; Phan Anh Tú, Trần Quốc Huy (2017), từ mô hình lý thuyết hành vi kế hoạch (TPB) của Ajzen (1991) kết hợp với đặc điểm nhân khẩu học, tính cách, và giáo dục khởi nghiệp kinh doanh, nghiên cứu chỉ ra có 7 nhóm nhân tố chính ảnh hưởng đến hành vi khởi nghiệp của sinh viên bao gồm đặc điểm tính cách, thái độ cá nhân, nhận thức và thái độ, giáo dục khởi nghiệp, nhận thức điều khiển hành vi, quy chuẩn và thái độ, quy chuẩn chủ quan.; Lâm Thị Kim Liên, Huỳnh Lưu Đức Toàn (2018), “Kinh nghiệm giáo dục khởi nghiệp của một số quốc gia trên thế giới và bài học đối với Việt Nam”. Bài viết tập trung phân tích các mô hình giáo dục khởi nghiệp thành công tại một số quốc gia như Mỹ, Anh, Úc, Israel, Trung Quốc và Malaysia để làm cơ sở đề xuất các hàm ý chính sách cho hoạt động giáo dục khởi nghiệp tại Việt Nam; ... và còn rất nhiều nghiên cứu, hội thảo khác có liên quan.

2.1.2 Mô hình nghiên cứu

Đa phần, các mô hình nghiên cứu về ý định khởi nghiệp đều tập trung vào yếu tố cá nhân. Chỉ riêng Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) đã xem xét cả các yếu tố nhận thức cá nhân kết hợp với yếu tố nhận thức xã hội nhằm dự đoán ý định và hành vi của con người trước các quyết định quan trọng. Ở TPB, quan điểm cá nhân, chuẩn chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi và ý định hành động kết hợp một cách hoàn hảo để dự đoán hành vi. Do đó, mô hình nghiên cứu trong nghiên cứu này cũng xem xét phát triển dựa vào nền tảng từ Lý thuyết TPB và các nghiên cứu thực nghiệm gần đây về ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Tuy nhiên thông qua trao đổi với các chuyên gia, các chuyên gia khuyên nên xem xét đưa vào mô hình yếu tố Giáo dục khởi nghiệp và Nguồn vốn khởi nghiệp. Vì theo các chuyên gia thì những người có học đại học cũng như là có bằng đại học sẽ có nhiều ý tưởng khởi nghiệp hơn là những người không học và ở trường đại học những hoạt động khởi nghiệp như chương trình đào tạo có những môn liên quan đến khởi nghiệp, những cuộc thi khởi nghiệp,... sẽ tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Bên cạnh đó, thì nguồn vốn khởi nghiệp cũng rất quan trọng để thực hiện được từ ý định đến hành vi khởi nghiệp. Và điều này bản thân tác giả cũng nhận thấy là phù hợp với thực tế và phù hợp với mô hình “ mô hình Ý định khởi nghiệp” của Lüthje & Franke năm 2003

Vì vậy, trên cơ sở mô hình Lý thuyết hành vi có kế hoạch TPB và mô hình Ý định khởi nghiệp của Lüthje & Franke sau khi thảo luận với các chuyên gia thì tác giả đề xuất mô

hình ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng (Sơ đồ 1) bao gồm các 7 yếu tố: (1)Thái độ khởi nghiệp, (2) Kiểm soát hành vi, (3) Chuẩn chủ quan, (4) Năng lực bản thân, (5) Giáo dục khởi nghiệp, (6) Kỳ vọng bản thân, (7) Nguồn vốn khởi nghiệp.

Các giả thuyết được đặt ra:

X₀: Các nhân tố không ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng

X₁: Kiểm soát hành vi (KSHV) có ảnh hưởng đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng

X₂: Thái độ khởi nghiệp (TDKN) có ảnh hưởng đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng

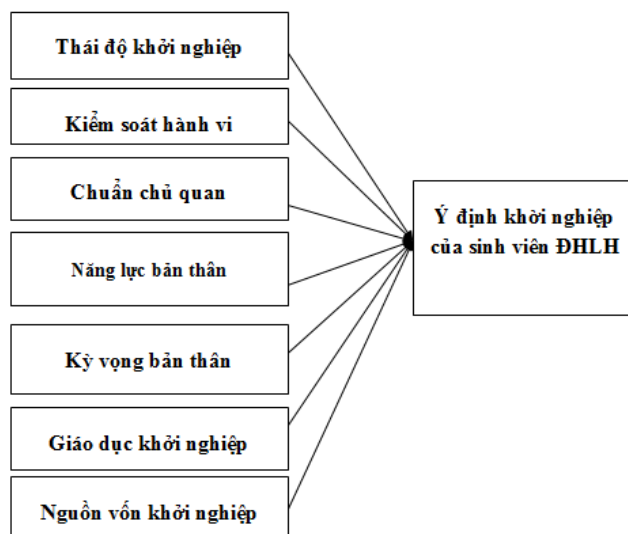
X₃: Chuẩn chủ quan (CCQ) có ảnh hưởng đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng

X₄: Kỳ vọng bản thân (KVBT) có ảnh hưởng đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng

X₅: Năng lực bản thân (NLBT) có ảnh hưởng đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng

X₆: Giáo dục khởi nghiệp (GDKN)có ảnh hưởng đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng

X₇: Nguồn vốn khởi nghiệp (NVKN) có ảnh hưởng đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng



Sơ đồ 1. Mô hình nghiên cứu

Trong đó các biến được diễn giải và đo lường thể hiện trên thang đo Likert 5 điểm được trình bày ở bảng 1:

Bảng 1. Các biến độc lập

Kí hiệu	Biến độc lập
TDKN	Thái độ khởi nghiệp
KSHV	Kiểm soát hành vi
CCQ	Chuẩn chủ quan
NLBT	Năng lực bản thân
KVBT	Kỳ vọng bản thân
GDKN	Giáo dục khởi nghiệp
NVKN	Nguồn vốn khởi nghiệp

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

2.2 Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu

2.2.1 Phương pháp nghiên cứu

Nhằm đạt được mục tiêu của đề tài, tác giả từ nghiên cứu cơ sở lý thuyết thực hiện thông qua thảo luận nhóm, thảo luận tay đôi, phương pháp chuyên gia nhằm mục đích xây dựng hệ thống các nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng. Cùng với đó là tác giả thiết lập bảng câu hỏi phục vụ khảo sát được thiết kế dựa theo mô hình nghiên cứu của đề tài nhằm thu thập thông tin để phân tích và kiểm định các giả thuyết nghiên cứu.

Nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua việc phát phiếu khảo sát cho 400 sinh viên đang học tại Trường Đại học Lạc Hồng, thu thập dữ liệu thực tế từ 352/400 sinh viên qua phiếu khảo sát.

Dữ liệu được xử lý qua phần mềm SPSS 20.0: Kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) kết hợp với hồi quy tuyến tính bội. Kết quả nghiên cứu cho thấy 4 nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng: (1) Kiểm soát hành vi, (2) Thái độ khởi nghiệp, (3) Kỳ vọng bản thân, (4) Giáo dục khởi nghiệp. Trong đó, nhân tố Kiểm soát hành vi có tác động mạnh nhất.

2.2.2 Dữ liệu

Dữ liệu thứ cấp: Từ các báo cáo, bài báo, kỷ yếu liên quan đến ý định khởi nghiệp

Dữ liệu sơ cấp: Từ cuộc khảo sát 400 sinh viên đang học tại trường Đại học Lạc Hồng

Tổng số phiếu khảo sát phát ra là 400 phiếu, số phiếu thu về là 370 phiếu. Số phiếu hợp lệ xử lý 352 phiếu.

Trong 352 sinh viên được khảo sát thì có 166 là sinh viên nam và 186 sinh viên nữ; Có 75 sinh viên đang học năm nhất, 105 sinh viên đang học năm 2, 106 sinh viên đang học năm 3, năm 4 là 59 sinh viên còn lại 7 sinh viên là học năm thứ 5. Ngoài ra, trong 352 sinh viên được khảo sát thì có 82 sinh viên đang học ngành kỹ thuật, 157 sinh viên đang học ngành kinh tế, 90 sinh viên đang học ngành ngôn ngữ, 23 sinh viên đang học ngành Dược. Trong số đó có 185 sinh viên ở thành phố và 167 sinh viên ở nông thôn. Các sinh viên được khảo sát thì đa phần là ở miền nam, một phần ba gia đình làm nông, số còn lại là công viên chức, kinh doanh và khác. Trong 352 sinh viên thì có 141 thường xuyên đi làm thêm, 129 sinh viên thì thỉnh thoảng và 82 sinh viên không làm thêm

2.3 Kết quả nghiên cứu

Đánh giá thang đo và phân tích nhân tố EFA

Kết quả Cronbach's Alpha của các biến quan sát như sau:

Thang đo Thái độ khởi nghiệp (TDKN) có Cronbach's Alpha = 0.858 > 0.6 và hệ số tương quan biến tổng đều > 0.3 nên các biến đo lường thành phần này được giữ lại sử dụng trong phân tích nhân tố EFA tiếp theo.

Thang đo Kiểm soát hành vi (KSHV) có Cronbach's Alpha = 0.836 > 0.6 và hệ số tương quan biến tổng đều > 0.3 nên các biến đo lường thành phần này được giữ lại sử dụng trong phân tích nhân tố EFA tiếp theo.

Thang đo Chuẩn chủ quan (CCQ) có Cronbach's Alpha = 0.841 > 0.6 và hệ số tương quan biến tổng đều > 0.3 nên các biến đo lường thành phần này được giữ lại sử dụng trong phân tích nhân tố EFA tiếp theo.

Thang đo Năng lực bản thân (NLBT) có Cronbach's Alpha = 0.852 > 0.6 và hệ số tương quan biến tổng đều > 0.3 nên các biến đo lường thành phần này được giữ lại sử dụng trong phân tích nhân tố EFA tiếp theo.

Thang đo Kỳ vọng bản thân (KVBT) có Cronbach's Alpha = 0.800 > 0.6 và hệ số tương quan biến tổng đều > 0.3 nên các biến đo lường thành phần này được giữ lại sử dụng trong phân tích nhân tố EFA tiếp theo.

Thang đo Giáo dục khởi nghiệp (GDKN) có Cronbach's Alpha = 0.668 > 0.6 nhưng có hệ số tương quan biến tổng của biến GDKN1 = 0.106 < 0.3 nên tác giả loại biến này và chạy lại Cronbach's Alpha lần 2. Chạy lại lần 2 cho kết quả Cronbach's Alpha = 0.756 > 0.6 và hệ số tương quan biến tổng đều > 0.3 nên các biến đo lường thành phần này được giữ lại sử dụng trong phân tích nhân tố EFA tiếp theo.

Thang đo Nguồn vốn khởi nghiệp (NVKN) có Cronbach's Alpha = 0.621 > 0.6 và hệ số tương quan biến tổng đều > 0.3 nên các biến đo lường thành phần này được giữ lại sử dụng trong phân tích nhân tố EFA tiếp theo.

Ngoài việc kiểm tra độ tin cậy của các biến độc lập thì biến Ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng (YDKN) cũng được tác giả tiến hành kiểm tra. Sau khi kiểm tra, kết quả cho thấy Cronbach's Alpha = 0.862 > 0.6 và hệ số tương quan biến tổng đều > 0.3, chứng tỏ thang đo có ý nghĩa và các nhân tố đáng tin cậy trong việc đo lường ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng.

Sau khi đánh giá độ tin cậy của các thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha và loại đi các biến không đảm bảo độ tin cậy, tác giả tiến hành phân tích nhân tố EFA với kết quả như bảng 2.

Sau khi đánh giá thang đo loại 1 biến quan sát (GDKN1) không đạt yêu cầu, các biến còn lại đều đạt yêu cầu được đưa vào phân tích nhân tố khám phá EFA. Khi phân tích lần đầu có 32 biến, tác giả thấy yếu tố trích được có eigenvalue > 1.0, hệ số KMO \geq 0.5 thỏa điều kiện, Kiểm định Bartlett's Test thỏa điều kiện, hệ số Factor loading > 0.4, phương sai trích > 50% nhưng lại có biến GDKN2 có chênh lệch giữa giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất bé hơn 0.3 nên tác giả loại biến này và chạy lại kiểm định. Sau khi loại GDKN2, kết quả xử lý chạy lần 2 như sau:

Chạy kiểm định lần 1 có 8 nhân tố với 32 biến quan sát, sau khi loại biến GDKN2 nằm trong nhân tố Giáo dục khởi nghiệp do chênh lệch giữa giá trị lớn nhất và nhỏ nhất nhỏ hơn 0.3. Tác giả chạy lại kiểm định lần thứ 2 với 31 biến quan sát. Các biến còn lại đều có trọng số > 0.4. Điều đó có nghĩa là các biến quan sát đều rất quan trọng trong các nhân tố và có ý nghĩa trong việc hình thành nên nhân tố đó.

Hệ số KMO = 0.856 > 0.5: thỏa điều kiện. Kết quả phân tích nhân tố là phù hợp.

Kiểm định Bartlett's Test có mức ý nghĩa sig. = 0.000 < 0.05. Do vậy các biến quan sát có tương quan với nhau xét trên phạm vi tổng thể.

Phân tích phương sai trích : Eigenvalues lớn hơn 1 và phương sai trích bằng **67.396%** là phù hợp vì lớn hơn 50%, cho biết 7 nhân tố vừa rút ra giải thích được **67.396%** biến thiên của tập dữ liệu. Còn lại 32.604 % sự thay đổi của tập dữ liệu là do các nhân tố khác chưa xem xét trong đề tài.

Bảng 2 cho thấy tổng cộng có 7 nhân tố được rút trích từ 31 biến quan sát: Nhân tố thứ 1 bao gồm 5 biến: TDKN3, TDKN2, TDKN4, TDKN1, TDKN5. Nhân tố này được đặt tên là Thái độ khởi nghiệp (TDKN); Nhân tố thứ 2 bao gồm 6 biến: KSHV3, KSHV2, KSHV5, KSHV4, KSHV6, KSHV1. Nhân tố này được đặt tên là Kiểm soát hành vi (KSHV); Nhân tố thứ 3 bao gồm 5 biến: CCQ3, CCQ4, CCQ2, CCQ1, CCQ5. Nhân tố này được đặt tên là Chuẩn chủ quan (CCQ); Nhân tố thứ 4 bao gồm 5 biến: KVBT4, KVBT1, KVBT5, KVBT3, KVBT2. Nhân tố này được đặt tên là Kỳ vọng bản thân (KVBT); Nhân tố thứ 5 bao gồm 4

	chuẩn				sai	
Hằng số	-.223	.208		-1.073	.284	
KSHV	.433	.059	.362	7.297	.000	.586
KVBT	.138	.057	.115	2.413	.016	.641
TDKN	.368	.047	.332	7.880	.000	.816
GDKN	.119	.045	.115	2.643	.009	.765

(Nguồn: Nghiên cứu của tác giả)

Kết quả kiểm định đa cộng tuyến tại bảng 5 cho thấy dung sai khá lớn và hệ số phóng đại phương sai (VIF) là nhỏ, chỉ giao động từ 1.226 – 1.707 do vậy hiện tượng đa cộng tuyến giữa 4 biến độc lập trong mô hình hồi quy là nhỏ.

Bảng 5 cho thấy hệ số Sig. của cả 4 nhân tố đều nhỏ hơn 0.05 do vậy, giả thuyết của 4 nhân tố này đều được chấp nhận. Điều này cho thấy các nhân tố này đều có ý nghĩa trong mô hình nghĩa là sự biến thiên tăng hay giảm của hệ số của từng nhân tố đều ảnh hưởng đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng. Cụ thể:

Nhân tố Kiểm soát hành vi (KSHV) của sinh viên Đại học Lạc Hồng có tác động nhiều nhất và cùng chiều đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng (Beta = 0.362), điều này có nghĩa khi sinh viên trường có sự thay đổi và nâng cao về nhận thức kiểm soát hành vi, nâng cao ý chí cảm nhận của mình có đủ khả năng và nguồn lực để thực hiện hành vi thì sẽ tác động tích cực đến Ý định khởi nghiệp. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế, khi làm một việc gì đó thì trước nhất là bản thân mình phải tự tin nghĩ mình có khả năng, có nguồn lực để thực hiện việc đó thì mới bắt đầu thực hiện việc đó được.

Nhân tố Thái độ khởi nghiệp (TDKN) của sinh viên trường có tác động mạnh thứ hai đến Ý định khởi nghiệp với Beta = 0.332, có nghĩa là khi sinh viên trường có thái độ tốt hơn thì sẽ có tác động tích cực đến Ý định khởi nghiệp của họ. Điều này hoàn toàn đúng, khi muốn làm gì thì mình phải thật sự hứng thú và cảm nhận được những lợi ích từ việc của mình làm và thật sự hài lòng với nếu kết quả như mong đợi, khi có một thái độ khởi nghiệp tích cực sẽ làm có một ý định khởi nghiệp thật sự.

Kỳ vọng bản thân (KVBT) của sinh viên trường có tác động mạnh thứ ba vào Ý định khởi nghiệp (Beta = 0.115). Điều này cho thấy nếu biết cách phát triển một dự án, có một sự chuẩn bị và cố gắng về khởi nghiệp thì khi cơ hội đến với sinh viên biết nắm bắt cơ hội và giải quyết được những vấn đề gặp phải thì họ sẽ khởi nghiệp.

Cuối cùng là Giáo dục khởi nghiệp (GDKN) của sinh viên Đại học Lạc Hồng có tác động đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên trường (Beta = 0.115). Với việc học ở trường luôn được khuyến khích khởi nghiệp, trường luôn có nhiều hoạt động hỗ trợ, định hướng cho sinh viên khởi nghiệp và việc biết được nhiều người ở trường đã khởi nghiệp thành công sẽ làm cho Ý định khởi nghiệp của sinh viên tại trường được tự tin khẳng định mình hơn.

2.4 Kết luận và khuyến nghị

Với mục tiêu của đề tài, tác giả dựa vào kết quả nghiên cứu đã tìm ra được các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng và mức độ tác động của từng yếu tố. Với mô hình đề xuất ban đầu gồm 7 yếu tố: Thái độ khởi nghiệp, Kiểm soát hành vi, Chuẩn chủ quan, Kỳ vọng bản thân, Năng lực bản thân, Giáo dục khởi nghiệp, Nguồn vốn khởi nghiệp. Từ 7 yếu tố được đo lường bằng 33 biến quan sát ban đầu, qua phân tích

Cronbach's Alpha loại 1 biến GDKN1 (do hệ số tương quan biến tổng của biến GDKN1 = 0.106 < 0.3), các biến còn lại đều phù hợp và đưa vào phân tích tiếp theo. Sau khi xoay Varimax, biến GDKN2 nằm trong nhân tố Giáo dục khởi nghiệp bị loại (do chênh lệch giữa giá trị lớn nhất và nhỏ nhất nhỏ hơn 0.3). Như vậy, phân tích nhân tố đã trích được 7 nhân tố từ 31 biến quan sát để đưa vào phân tích hồi quy.

Kết quả hồi quy bội đã xác định được Ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Lạc Hồng chịu ảnh hưởng cùng chiều vào 4 yếu tố theo thứ tự như sau: Tác động mạnh nhất là Kiểm soát hành vi (KSHV), thứ hai là Nhân tố Thái độ khởi nghiệp (TDKN), thứ ba Kỳ vọng bản thân (KVBT) và cuối cùng là Giáo dục khởi nghiệp (GDKN).

Kết quả này cho thấy cũng tương đối phù hợp với các nghiên cứu trước đây trên thế giới. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra đề xuất một số khuyến nghị đối với Trường Đại học Lạc Hồng để hỗ trợ từ bên trong và bên ngoài cho sinh viên của trường tham gia hưởng ứng vào hoạt động khởi nghiệp của trường và khởi nghiệp của cả nước như sau:

Thứ nhất, Kiểm soát hành vi. Để sinh viên có đủ tố chất, kiến thức, kinh nghiệm để có thể kiểm soát được hành vi của mình về khả năng tồn tại, phát triển của doanh nghiệp khi khởi nghiệp, khả năng thành công khi kinh doanh, những kiến thức, kinh nghiệm cá nhân hay khả năng tiếp cận thông tin để làm cho việc khởi nghiệp trở nên khả thi. Trên phương diện nhà trường nên hỗ trợ nhiều kiến thức, nhiều thông tin khởi nghiệp và đặc biệt là các kỹ năng mềm nhiều hơn nữa nhằm giúp các em có thể năng động, tự tin, tự giác, tự mình rèn luyện và phát hiện được ý tưởng cũng như sẽ đủ năng lực để nuôi dưỡng ý tưởng của mình thành ý định và thực hiện việc khởi nghiệp trong tương lai gần nhất có thể.

Thứ hai, Thái độ khởi nghiệp là yếu tố có tác động mạnh thứ hai, cho thấy nhà trường cần giúp sinh viên của mình có thái độ tích cực đối với hành vi khởi nghiệp. Sinh viên là những người trẻ, năng động, sức sáng tạo mạnh mẽ nhưng dù có ý tưởng và rất thích khởi nghiệp để trở thành một doanh nhân, có mong muốn khởi nghiệp để trở thành doanh nhân và thừa biết rằng trở thành doanh nhân thành đạt thì sẽ đem lại rất nhiều lợi ích cho bản thân, gia đình, xã hội. Nhưng sinh viên thường có tâm lý thiếu tự tin, không chịu khó, thiếu kỹ năng về phát triển hệ thống, thiếu kiến thức về thị trường, thiếu kinh nghiệm, ... Để nâng thái độ tích cực với việc khởi nghiệp, nhà trường có thể thực hiện các hoạt động khơi gợi sự hứng thú của sinh viên với hoạt động khởi nghiệp và trở thành doanh nhân trong tương lai, ngoài các hội thảo, các chương trình khởi nghiệp nhà trường có thể tăng cường các chương trình truyền thông cho sinh viên biết về lợi ích khởi nghiệp, xây dựng các câu chuyện của sinh viên, cựu sinh viên thành đạt, những cựu sinh viên của trường đã khởi nghiệp thành công... Bên cạnh đó, Nhà trường có thể tổ chức thêm các giờ ngoại khóa tại trường để giáo viên có thể tìm hiểu thêm tâm tư, nguyện vọng của sinh viên, biết được mục tiêu nghề nghiệp của sinh viên sau khi ra trường. Từ đó, có thể hỗ trợ cho sinh viên chưa có hay đang có ý định khởi nghiệp sẽ có thái độ tích cực hơn đối với khởi nghiệp.

Thứ ba, Kỳ vọng bản thân là yếu tố tác động tiếp theo. Để sinh viên biết cách phát triển một dự án khởi nghiệp, có sự chuẩn bị để khởi nghiệp, tin rằng mình có cố gắng khởi nghiệp thì sẽ thành công, đồng thời có đủ khả năng nhận biết khi có cơ hội và có các kỹ năng giải quyết các vấn đề gặp phải trong cuộc sống thì nhà trường ngoài hỗ trợ cho

sinh viên về kiến thức, kỹ năng qua các chương trình học thì cần thiết nhất là nên thành lập trung tâm cung cấp thông tin hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp để có thể tư vấn, hỗ trợ các bạn sinh viên từ khi có ý tưởng về khởi nghiệp. Trung tâm này ngoài giúp hình thành, phát triển ý tưởng còn giúp cả về mặt thị trường và pháp lý. Cùng với đó, nhà trường có thể kết nối với cựu sinh viên thành đạt để hình thành hội những sinh viên thành đạt và xây dựng các quỹ khởi nghiệp nhằm giúp đỡ chia sẻ kinh nghiệm cho các bạn cũng như hỗ trợ các bạn sinh viên khởi nghiệp. Đồng thời, xây dựng quỹ hoặc tìm kiếm các quỹ, các nhà đầu tư mạo hiểm để đầu tư vào các dự án khởi nghiệp của các bạn sinh viên, giúp các bạn phần nào về sự khó khăn, sự lo lắng về thiếu vốn để có thể tự tin quyết tâm khởi nghiệp.

Thứ tư, Giáo dục khởi nghiệp là yếu tố tác động cuối cùng trong nghiên cứu này. Trường cần đưa khởi nghiệp sáng tạo trở thành một nội dung giảng dạy chính khóa cho sinh viên, qua đó cung cấp kiến thức, kinh nghiệm cũng như cơ sở thực tế với hoạt động khởi nghiệp cho sinh viên. Thông qua các môn học bắt buộc về khởi nghiệp sáng tạo, nhà trường có thể cung cấp các kiến thức thực tế và kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, từ đó giúp sinh viên nâng cao nhận thức cá nhân về khả năng khởi nghiệp của bản thân cũng như tin tưởng vào năng lực khởi nghiệp của mình. Đặc biệt, nội dung của các chương trình đào tạo khởi nghiệp nên nhấn mạnh tới phong trào khởi nghiệp theo cách tập trung vào giáo dục nhận thức về khởi nghiệp sáng tạo cho sinh viên, trong đó có cả các rủi ro có thể gặp khi khởi nghiệp.

Bên cạnh chương trình học, nhà trường mở thêm các khóa học, các lớp “Training” riêng cho các bạn có ý tưởng ngay từ đầu (sinh viên năm nhất), thêm vào đó là mở câu lạc bộ và tăng cường hoạt động của câu lạc bộ khởi nghiệp, thường xuyên mở các hội thảo mời các chuyên gia về khởi nghiệp, về nghiên cứu thị trường, về thiết lập mối quan hệ, ... để tọa đàm với các bạn nhằm giúp các bạn sinh viên có thể đạt được những kiến thức, kỹ năng cần thiết biết nắm bắt cơ hội, biết giải quyết các vấn đề gặp phải thiết lập được những mối quan hệ để bản thân có thể tự mình có một sự chuẩn bị đầy đủ và biết cách phát triển một dự án khởi nghiệp. Từ đó có thể thúc đẩy được các bạn sinh viên của trường đi từ ý định đến hành vi khởi nghiệp.

3. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lâm Thị Kim Liên, Huỳnh Lưu Đức Toàn. Kinh nghiệm giáo dục khởi nghiệp của một số quốc gia trên thế giới và bài học đối với Việt Nam. *Tạp chí công nghệ ngân hàng*; **2018**; số 146.
- [2] Nguyễn Quốc Nghi, Lê Thị Diệu Hiền, Mai Võ Ngọc Thanh. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên khối ngành quản trị kinh doanh tại các trường đại học/cao đẳng ở thành phố cần thơ. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến*, **2016**, số 10; 55-64.
- [3] Đoàn Thị Thu Trang, Lê Hiếu Học. Các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp sinh viên ngành kỹ thuật: Nghiên cứu trường hợp Đại học Bách Khoa Hà Nội. *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*. **2018**, số 97.
- [4] Phan Anh Tú, Trần Quốc Huy. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, **2017**, 96-103.
- [5] Phan Anh Tú, Giang Thị Cẩm Tiên. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp:

- Trường hợp sinh viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, **2015**, số 38, 59 -66.
- [6] Hoàng Thị Phương Thảo, Bùi Thị Thanh Chi. *Ý định khởi nghiệp của nữ học viên MBA tại TP.HCM*, **2013**, Tạp chí Phát triển Kinh tế, số 271.
- [7] Abdullah Azhar, Annum Javaid, Mohsin Rehman, Asma Hyder. Entrepreneurial Intentions among Business Students in Pakistan. *Journal of Business Systems, Governance and Ethics*, **2010**, 5(2).
- [8] Ajzen, I. The theory of planned behavior., *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, **1991**, 50(2), 179-211.
- [9] Ambad, S. N. A and Ag Damit, D. H. D. Determinants of Entrepreneurial Intention Among Undergraduate Students in Malaysia. *Procedia Economics and Finance*, **2016**, 37, 108 - 114.
- [10] Bird, B. Implementing entrepreneurial ideas: The case for intention. *Academy of management Review*. **1988**, 13(3), 442-453.
- [11] Karimi et al. Effects of Role Models and Gender on Students' Entrepreneurial Intentions. *European Journal of Training and Development, Forthcoming*, **2014**.
- [12] Kristandy, S. J., & Aldianto, L. Factors that Influence Student's Decision in Starting-up Service Franchise Business in Bandung. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, **2015**, 318-328.
- [13] Kibler, E. Formation of entrepreneurial intentions in a regional context. *Entrepreneurship & Regional Development*, **2013**, 25(3-4), 293-323.
- [14] Lüthje, C., & Franke, N. The 'making' of an entrepreneur: testing a model of entrepreneurial intent among engineering students at MIT. *R&D Management*, **2003**; 33(2), 135-147.
- [15] Muhammad Azrin Nazri, Haleemath Aroosha, Nor Asiah Omar. Examination of Factors Affecting Youths' Entrepreneurial Intention: A Cross-Sectional Study. *Information Management and Business Review*, **2016**, 8(5), 14-24.
- [16] Preeti Tiwari. An empirical analysis of the factors affecting social entrepreneurial intentions. *Journal of Global Entrepreneurship Research*, **2017**, 7(2): 195-218.
- [17] Richard Denanyoh, Kwabena Adjei, Gabriel Effah Nyemekye. Factors that impact on entrepreneurial intention of Tertiary students in Ghana. *International Journal of Business and Social Research*, **2015**, 5(3), 19-29.
- [18] Zahariah Mohd Zain, Amalina Mohd Akram, Erlane K Ghani. Entrepreneurship Intention Among Malaysian Business Students. *Canadian Social Science*; **2010**, 6(3), 34-44.